TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15/11/2019
V/v: "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Đình Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Nam.

2. Bà Lê Thị Ánh Sáng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15/11/2019 tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 315/2019/TLST – HNGĐ ngày 10/5/2019 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2019/QĐXXST– HNGĐ ngày 31/10/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị Thu T, sinh năm 1991.
Địa chỉ: a, ấp b, xã PB, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh Trần Quang Th, sinh năm 1988.
Địa chỉ thường trú: Số C, ấp D, xã TH, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.
Hiện đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 1, thôn 2, xã Đăk R'Tih, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

Chị T có mặt; anh Th có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trương Thị Thu T trình bày:*

Chị và anh Trần Quang Th tự nguyện kết hôn với nhau năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã PB. Quá trình chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân là do anh Th nghiện ma túy. Chị đã khuyên anh Th bỏ ma túy nhưng anh Th lừa dối chị và gia đình hai bên nhiều lần, thậm chí anh còn đe dọa tính mạng

của chị. Từ tháng 9/2018, anh chị đã sống ly thân, không chung sống với nhau nữa. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 24/9/2019, bị đơn anh Trần Quang Th trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị T kết hôn với nhau khoảng tháng 6 năm 2017, có đăng ký kết hôn. Đời sống hôn nhân hạnh phúc. Do anh làm nghề lái xe, nghiện ma túy, chị T phát hiện và đã động viên anh cai nghiện nhưng anh không cai nghiện được nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Cuối năm 2018, anh và chị T sống ly thân. Hiện anh đang là học viên cai nghiện ma túy bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 1. Nay, chị T có đơn ly hôn thì anh không đồng ý vì anh vẫn còn tình cảm với chị T, anh muốn có cơ hội đoàn tụ.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành có ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách tố tụng, về việc xác minh, thu thập các tài liệu chứng cứ vụ án và thời hạn chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử đều được Thẩm phán thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

- Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị T và anh Th được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật bảo vệ. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án chấp nhận đơn ly hôn của chị T.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Thẩm quyền giải quyết vụ án: anh Trần Quang Th thường trú tại xã TH, huyện LT, tỉnh Đồng Nai nên Tòa án nhân dân huyện Long Thành thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật: chị Trương Thị Thu T khởi kiện xin được ly hôn với anh Th. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Long Thành căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ là "Tranh chấp ly hôn".

- Bị đơn anh Trần Quang Th có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, các phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và các phiên tòa xét xử. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Th là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Nội dụng vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Thu T và anh Trần Quang Th tự nguyện kết hôn với nhau năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Bình, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nên chị T xin được ly hôn.

Còn anh Trần Quang Th cho rằng hiện nay vẫn còn tình cảm với chị T nên anh không đồng ý ly hôn, anh muốn vợ chồng đoàn tụ.

Qua các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được và qua lời trình bày của các đương sự, xét: Trong quá trình chung sống, chị T phát hiện anh Th nghiện ma túy, đã khuyên bảo nhiều nhưng anh không nghe nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Kể từ tháng 9/2018 tới nay, chị T và anh Th đã sống ly thân. Gia đình hai bên có biết, khuyên bảo, hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng không thành. Điều này đều được chị T và anh Th thừa nhận.

Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Th là có thật. Lỗi dẫn đến việc vợ chồng mâu thuẫn hoàn toàn do anh Th gây ra. Mặc dù hai bên gia đình đều có gắng hòa giải đoàn tụ nhưng vẫn không thành. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án cũng cố gắng động viên để chị T rút đơn, hàn gắn đoàn tụ với anh Th nhưng chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn và vẫn kiên quyết xin ly hôn.

Do mâu thuẫn giữa chị T và anh Th là có thật, hiện chị T không còn tình cảm gì với anh Th, nếu có tiếp tục sống chung thì cũng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị Trương Thị Thu T được ly hôn với anh Trần Quang Th là phù hợp.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: các đương sự trình bày không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí HNGĐ - ST: chị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 203, 220, 228, 235, 264, 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 9, 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trương Thị Thu T.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Thu T được ly hôn với anh Trần Quang Th.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Về án phí HNGĐ – ST: Chị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp tại cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành theo biên lai thu số 0001469 ngày 08/5/2019.

Chị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Th được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đồng Nai;*
- *VKS ND tỉnh Đồng Nai;*
- *T.H.A dân sự H. Long Thành;*
- *VKS H. Long Thành;*
- *Các đương sự;*
- *UBND nơi đăng ký kết hôn;*
- *Lưu HS, VP.*

Nguyễn Đình Trung